**Thủ tục: *Xếp hạng Trung tâm Giáo dục thường xuyên.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | **Bước 1:** Tổ chức *(Trung tâm Giáo dục thường xuyên)* hoàn tất hồ sơ và họp tổ chức tự đánh giá, xếp loại. Sau khi tự đánh giá, xếp loại nộp hồ sơ kết quả đánh giá xếp loại của Trung tâm về Bộ phận “Một cửa”, Sở Giáo dục và Đào tạo. - Địa chỉ: 22 Nguyễn Thái học, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum- Thời gian: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ).**Bước 2:** Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì công chức viết giấy hẹn - Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ thì công chức hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung.**Bước 3:** Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, lập Tờ trình trình UBND cấp tỉnh quyết định xếp hạng Trung tâm Giáo dục thường xuyên.**Bước 4:** Nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa”, Sở Giáo dục và Đào tạo. Thời gian: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ). |
| **Cách thức thực hiện** | Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc qua đường bưu điện |
| **Thành phần, số lượng hồ sơ** | **a)** Thành phần hồ sơ bao gồm:- Tờ trình đề nghị xếp hạng của Trung tâm Giáo dục thường xuyên;- Quyết định thành lập Trung tâm Giáo dục thường xuyên;- Bản báo cáo kết quả hoạt động và hiệu quả hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên trong thời gian 3 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị xếp hạng;-  Bảng tự đánh giá tính điểm theo tiêu chí xếp hạng của trung tâm giáo dục thường xuyên *(theo mẫu)*;- Số liệu thống kê số lượng học viên theo học các chương trình trong 3 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị xếp hạng;- Danh sách cán bộ, giáo viên, viên chức trong biên chế và giáo viên hợp đồng kèm theo trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ-tin học;- Số liệu thống kê chi tiết về diện tích đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.**b)** Số lượng hồ sơ: 05  (bộ). |
| **Thời gian giải quyết** | 30 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. |
| **Cơ quan thực hiện** | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Uỷ ban nhân dân tỉnh.- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo.- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ |
| **Đối tượng thực hiện** | Tổ chức  |
| **Kết quả** | Quyết định hành chính. |
| **Lệ phí** | Không |
| **Tên mẫu đơn, tờ khai**  | - Tiêu chí và bảng xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh *(Phụ lục I Thông tư 48/2008/TT-BGDĐT, ngày 25/8/2008)*- Tiêu chí và bảng xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện *(Phụ lục II Thông tư 48/2008/TT-BGDĐT, ngày 25/8/2008)* |
| **Yêu cầu, điều kiện**  | Việc xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên căn cứ theo các nhóm tiêu chí sau:- Quy mô người học;- Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giáo viên;- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học;- Chất lượng giáo dục, đào tạo và hiệu quả hoạt động. |
| **Căn cứ pháp lý** | *- Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ;**-Thông tư số 48/2008/TT-BGDĐT, ngày 25/8/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*  |

**PHỤ LỤC I**

TIÊU CHÍ VÀ BẢNG ĐIỂM XẾP HẠNG TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TỈNH

*(Kèm theo Thông tư số 48/2008/TT-BGDĐT ngày 25/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục** | **Tên tiêu chí** | **Điểm tối đa** |
| **A.** | **Nhóm tiêu chí I: Quy mô học viên (HV) theo học các chương trình giáo dục thường xuyên** | **40 điểm** |
| 1. | Quy mô HV của các chương trình liên kết đào tạo lấy văn bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp:Tối thiểu có 200 HV được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 50 HV được cộng thêm 01 điểm. | 10 điểm |
| 2 | Quy mô HV Bổ túc trung học phổ thông:Tối thiểu có 200 HV được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 100 HV được cộng thêm 01 điểm. | 5 điểm |
| 3 | Quy mô HV học các lớp bồi dưỡng chuyên mụn nghiệp vụ, chuyển giao khoa học kỹ thuật, dạy nghề ngắn hạn, bồi dưỡng văn hoá:Tối thiểu có 300 lượt HV được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 100 lượt HV được cộng thêm 01 điểm. | 15 điểm |
| 4 | Quy mô HV học ngoại ngữ, tin học, công nghệ thông tin truyền thông, tiếng dân tộc thiểu số:Tối thiểu có 100 HV được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 50 HV được cộng thêm 01 điểm. | 10 điểm |
| **B.** | **Nhóm tiêu chí II: Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giáo viên** | **20 điểm** |
| 1. | Cơ cấu tổ chức bộ máy:- Ban giám đốc chỉ có 1 người được tính 01 điểm. Ban giám đốc có 2 người trở lên được tính 02 điểm.- Tối thiểu có 2 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương được tính 01 điểm. Có từ 3 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương trở lên được tính 02 điểm. | 4 điểm  |
| 2. | Đội ngũ cán bộ, giáo viên:- Số cán bộ, giáo viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn: (06 điểm)Tối thiểu có 15 người được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 2 người được cộng thêm 01 điểm. | 12 điểm  |
|   | - Cơ cấu đội ngũ giáo viên: (03 điểm)Có giáo viên của 4-6 môn học bắt buộc của Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: 01 điểm. Có giáo viên của 7 môn học bắt buộc: 02 điểm. Có giáo viên ngoại ngữ, tin học, công nghệ thông tin được cộng thêm 01 điểm.-Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giáo viên: (03 điểm) Tối thiểu có 80% cán bộ quản lý, giáo viên cú trình độ từ đại học trở lên được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 5% thì được cộng thêm 0,5 điểm. |      |
| 3 | Trình độ ngoại ngữ:- Dưới 40% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ ngoại ngữ A trở lên: 0 điểm.- Có từ 40%-69% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ ngoại ngữ A trở lên được tính 01 điểm.- Có từ 70% trở lên cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ ngoại ngữ A trở lên được tính 02 điểm. | 2 điểm |
| 4 | Trình độ tin học:- Dưới 50% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ tin học A trở lên: 0 điểm.- Có từ 50%-79% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ tin học A trở lên được tính 01 điểm.- Có từ 80% trở lên cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ tin học A trở lên được tính 02 điểm. | 2 điểm |
| **C.** | **Nhóm tiêu chí III: Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học** | **25 điểm** |
| 1 | Diện tích đất sử dụng:Có tối thiểu 1500 m2 được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 500 m2 được cộng thêm 01 điểm.  | 7 điểm |
| 2 | Phòng học:- Tối thiểu có 7 phòng học kiên cố được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 1 phòng học kiên cố được cộng thêm 01 điểm.- Trường hợp không có phòng học kiên cố thì cách tính điểm như sau:Tối thiểu có 10 phòng học không kiên cố được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 1 phòng học không kiên cố được tính 01 điểm; tối đa không qúa 04 điểm. | 10 điểm  |
| 3 | Nhà điều hành:- Có phòng họp Hội đồng: 01 điểm.- Có phòng làm việc của Giám đốc, Phó Giám đốc: 01 điểm.- Có phòng làm việc của kế toán, thủ quỹ, văn thư: 01 điểm. | 3 điểm |
| 4 | Phòng thí nghiệm và thiết bị dạy học:- Có phòng thí nghiệm hoặc phòng học tin học: 01 điểm.- Có thiết bị dạy học của các lớp 10, 11, 12: 01 điểm.- Có thiết bị dạy nghề phổ thông, nghề ngắn hạn: 01điểm | 3 điểm |
| 5 | Phòng thư viện:- Có phòng thư viện với diện tích tối thiểu 50 m2: 01 điểm.- Có 1000 đầu sách các loại trở lên: 01 điểm. | 2 điểm |
| **D.** | **Nhóm tiêu chí IV: Chất lượng giáo dục đào tạo và hiệu quả hoạt động** | **15 điểm** |
| 1 | Chất lượng giáo dục, đào tạo:Được địa phương đánh giá:- Tốt: 10 điểm.- Khá: 07 điểm.- Trung bình: 05 điểm.- Yếu: 0 điểm. | 10 điểm |
| 2 | Đa dạng hoá nội dung chương trình giáo dục và hình thức học, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của mọi tầng lớp nhân dân trong địa bàn, góp phần đào tạo nguồn nhân lực phục vụ kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.Được địa phương đánh giá:- Tốt: 05 điểm.- Khá: 04 điểm.- Trung bình: 02 điểm.- Yếu: 0 điểm. | 5 điểm |

**PHỤ LỤC II**

TIÊU CHÍ VÀ BẢNG ĐIỂM XẾP HẠNG TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP HUYỆN

*(Kèm theo Thông tư số 48/2008/TT-BGDĐT ngày 25/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục** | **Tên tiêu chí** | **Điểm tối đa** |
| **A.** | **Nhóm tiêu chí I: Quy mô học viên (HV) theo học các chương trình giáo dục thường xuyên** | **40 điểm** |
| 1. | Quy mô HV của các chương trình liên kết đào tạo lấy bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp:Cứ 50 HV được tính 01 điểm. | 5 điểm |
| 2 | Quy mô của các lớp Bổ túc trung học cơ sở, Bổ túc trung học phổ thông:Tối thiểu có 300 HV được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 100 HV được cộng thêm 01 điểm. | 10 điểm |
| 3 | Quy mô HV các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, dạy nghề ngắn hạn, bồi dưỡng văn hoá:Tối thiểu có 500 lượt HV được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 100 lượt HV được cộng thêm 01 điểm. | 15 điểm |
| 4 | Quy mô HV của các lớp xoá mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ:Tối thiểu có 20 HV được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 10 HV được cộng thêm 01 điểm. | 5 điểm |
| 5 | Quy mô HV học ngoại ngữ, tin học, công nghệ thông tin truyền thông, tiếng dân tộc thiểu số:Tối thiểu có 100 HV được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 50 HV được cộng thêm 01 điểm. | 5 điểm |
| **B.** | **Nhóm tiêu chí II: Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giáo viên** | **20 điểm** |
| 1 | Cơ cấu tổ chức bộ máy:- Ban giám đốc chỉ có 1 người được tính 01 điểm. Ban giám đốc có 2 người trở lên được tính 02 điểm.- Tối thiểu có 2 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương được tính 01 điểm. Có từ 3 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương trở lên được tính 02 điểm. | 4 điểm |
| 2 | Đội ngũ cán bộ, giáo viên:- Số cán bộ, giáo viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn: (06 điểm)Tối thiểu có 10 người được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 2 người được cộng thêm 01 điểm.- Cơ cấu đội ngũ giáo viên: (03 điểm)Có giáo viên của 4-6 môn học bắt buộc của Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: 01 điểm. Có giáo viên của 7 môn học bắt buộc: 02 điểm. Có giáo viên ngoại ngữ, tin học, công nghệ thông tin: 01 điểm.-Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giáo viên: (03 điểm)Tối thiểu có 60% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ từ đại học trở lên được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 10% được cộng thêm 0,5 điểm. | 12 điểm  |
| 3 | Trình độ ngoại ngữ:- Dưới 30% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ ngoại ngữ A trở lên: 0 điểm.- Có từ 30%-49% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ ngoại ngữ A trở lên được tính 01 điểm.- Có từ 50% trở lên cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ ngoại ngữ A trở lên được tính 02 điểm. | 2 điểm |
| 4 | Trình độ tin học:- Dưới 40% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ tin học A trở lên: 0 điểm.- Có từ 40%-69% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ tin học A trở lên được tính 01 điểm.- Có từ 70% trở lên cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ tin học A trở lên được tính 02 điểm. | 2 điểm |
| **C.** | **Nhóm tiêu chí III: Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học** | **25 điểm** |
| 1 | Diện tích đất sử dụng:Có tối thiểu 1000 m2 được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 300 m2 được cộng thêm 01 điểm. | 7 điểm |
| 2 | Phòng học:- Tối thiểu có 5 phòng học kiên cố được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 1 phòng học kiên cố được cộng thêm 01 điểm.- Trường hợp không có phòng học kiên cố thì cách tính điểm như sau:Tối thiểu có 8 phòng học không kiên cố được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 1 phòng học không kiên cố được tính 01 điểm; tối đa không quá 04 điểm. | 10 điểm  |
| 3 | Nhà điều hành:- Có phòng họp Hội đồng: 01 điểm.- Có phòng làm việc của Giám đốc, Phó Giám đốc: 01 điểm.- Có phòng làm việc của kế toán, thủ quỹ, văn thư: 01 điểm. | 3 điểm |
| 4 | Phòng thí nghiệm và thiết bị dạy học:- Có phòng thí nghiệm hoặc phòng học tin học: 01 điểm.- Có thiết bị dạy học của các lớp 10, 11, 12: 01 điểm.- Có thiết bị dạy nghề phổ thông, nghề ngắn hạn: 01 điểm | 3 điểm |
| 5 | Phòng thư viện:- Có phòng thư viện với diện tích tối thiểu 50 m2: 01 điểm.- Có 500 đầu sách các loại trở lên: 01 điểm. | 2 điểm |
| **D.** | **Nhóm tiêu chí IV: Chất lượng giáo dục, đào tạo và hiệu quả hoạt động** | **15 điểm** |
| 1 | Chất lượng giáo dục, đào tạo:Được địa phương đánh giá:- Tốt: 07 điểm.- Khá: 05 điểm.- Trung bình: 03 điểm.- Yếu: 0 điểm. | 7 điểm  |
| 2 | Đa dạng hoá nội dung chương trình giáo dục, hình thức học, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của mọi tầng lớp nhân dân trong địa bàn, góp phần đào tạo nguồn nhân lực phục vụ kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.Được địa phương đánh giá:- Tốt: 05 điểm.- Khá: 04 điểm.- Trung bình: 02 điểm.- Yếu: 0 điểm. | 5 điểm |
| 3 | Hỗ trợ có hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng được: 03 điểm | 3 điểm |